

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Anh T, sinh năm 1970; Thường trú: 1.10 Chung cư The Parkland Khu phố 4, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú hiện nay: 70 Âu Cơ, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Mai Thị V, sinh năm 1975; Thường trú: 1.10 Chung cư The Parkland Khu phố 4, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quảng Xương, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 10/12/1999.

Thời gian đầu cuộc sống vợ phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng lối sống, giữa hai vợ chồng thường xuyên cãi vã về cách chăm sóc con và chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông T và bà V xác nhận có 02 con chung tên Trần Thị Vân A, sinh ngày 17/5/2000 và Trần Anh Minh Đ, sinh ngày 06/4/2003 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông T và bà V xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Anh T và bà Mai Thị V thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Trần Anh T và bà Mai Thị V (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân thị trấn Quảng Xương, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/12/1999) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Do 02 con chung tên Trần Thị Vân A, sinh ngày 17/5/2000 và Trần Anh Minh Đ, sinh ngày 06/4/2003 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông T và bà V xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông T và bà V chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông T và bà V đã nộp theo Biên lai thu số 0034907 ngày 10/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung